

Số: 140/CV-VTS/2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07/2026**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 07/2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CPC			CPC
5	CTB			CTB
6	D11			D11
7	DAD			DAD
8	DHT			DHT
9	DNC			DNC
10	DNP			DNP
11	DTD			DTD
12	DXP			DXP
13	GMX			GMX
14	HAD			HAD
15	HCC			HCC
16	HJS			HJS
17	HLC			HLC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
18	HTC			HTC
19	HUT			HUT
20	IDV			IDV
21	INC			INC
22	INN			INN
23	KST			KST
24	LHC			LHC
25	LIG			LIG
26	MBS			MBS
27	MCC			MCC
28	MCF			MCF
29	MDC			MDC
30	NAG			NAG
31	NET			NET
32	NFC			NFC
33	NTP			NTP
34	PBP			PBP
35	PCE			PCE
36	PMC			PMC
37	PMS			PMS
38	PPP			PPP
39	PSC			PSC
40	PSD			PSD
41	PSE			PSE
42	PSW			PSW
43	PTS			PTS
44	PVC			PVC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
45	PVI			PVI
46	PVS			PVS
47	RCL			RCL
48	S55			S55
49	S99			S99
50	SAF			SAF
51	SD5			SD5
52	SD9			SD9
53	SDN			SDN
54	SGC			SGC
55	SHN			SHN
56	SJ1			SJ1
57	SLS			SLS
58	SMN			SMN
59	STC			STC
60	TA9			TA9
61	THD			THD
62	THS			THS
63	TNG			TNG
64	TTC			TTC
65	TV4			TV4
66	TVD			TVD
67	VBC			VBC
68	VC3			VC3
69	VC6			VC6
70	VC7			VC7
71	VCC			VCC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
72	VCS			VCS
73	VGS			VGS
74	VNC			VNC
75	VNR			VNR
76	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	TNC		AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BFC			BFC
10	BIC			BIC
11	BID			BID
12	BMC			BMC
13	BMP			BMP
14	BRC			BRC
15	BSI			BSI
16	BSR			BSR
17	BTP			BTP
18	BTT			BTT
19	BVH			BVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
20	BWE			BWE
21	CCI			CCI
22	CCL			CCL
23	CDC			CDC
24	CII			CII
25	CLC			CLC
26	CLW			CLW
27	CMG			CMG
28	CMV			CMV
29	CNG			CNG
30	COM			COM
31	CRC			CRC
32	CSM			CSM
33	CSV			CSV
34	CTD			CTD
35	CTF			CTF
36	CTG			CTG
37	CTS			CTS
38	CVT			CVT
39	DBC			DBC
40	DBD			DBD
41	DBT			DBT
42	DCL			DCL
43	DCM			DCM
44	DGW			DGW
45	DHA			DHA
46	DHC			DHC
47	DHG			DHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
48	DIG			DIG
49	DPG			DPG
50	DPM			DPM
51	DPR			DPR
52	DRC			DRC
53	DSN			DSN
54	DTT			DTT
55	DVP			DVP
56	DXG			DXG
57	EIB			EIB
58	ELC			ELC
59	EVF			EVF
60	FMC			FMC
61	FPT			FPT
62	FTS			FTS
63	GAS			GAS
64	GEG			GEG
65	GEX			GEX
66	GMD			GMD
67	GSP			GSP
68	GTA			GTA
69	GVR			GVR
70	HAH			HAH
71	HAX			HAX
72	HCM			HCM
73	HDB			HDB
74	HDC			HDC
75	HDG			HDG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
76	HHS			HHS
77	HHV			HHV
78	HPG			HPG
79	HSG			HSG
80	HQC			HQC
81	HRC			HRC
82	HSL			HSL
83	HTI			HTI
84	HTL			HTL
85	HTN			HTN
86	HTV			HTV
87	HUB			HUB
88	HVH			HVH
89	IDI			IDI
90	IJC			IJC
91	ILB			ILB
92	IMP			IMP
93	ITC			ITC
94	KBC			KBC
95	KDC			KDC
96	KDH			KDH
97	KSB			KSB
98	L10			L10
99	LBM			LBM
100	LCG			LCG
101	LGC			LGC
102	LIX			LIX
103	LSS			LSS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
104	MBB			MBB
105	MSN			MSN
106	MWG			MWG
107	NAF			NAF
108	NBB			NBB
109	NCT			NCT
110	NHA			NHA
111	NHH			NHH
112	NLG			NLG
113	NNC			NNC
114	NSC			NSC
115	NTL			NTL
116	OPC			OPC
117	PAC			PAC
118	PAN			PAN
119	PC1			PC1
120	PDN			PDN
121	PDR			PDR
122	PET			PET
123	PGC			PGC
124	PGD			PGD
125	PGI			PGI
126	PHR			PHR
127	PJT			PJT
128	PLX			PLX
129	PNJ			PNJ
130	POW			POW
131	PVD			PVD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
132	PVT			PVT
133	REE			REE
134	SAB			SAB
135	SAM			SAM
136	SBA			SBA
137	SBT			SBT
138	SCR			SCR
139	SFG			SFG
140	SFI			SFI
141	SGN			SGN
142	SHA			SHA
143	SHB			SHB
144	SHI			SHI
145	SHP			SHP
146	SJS			SJS
147	SMB			SMB
148	SRC			SRC
149	SSC			SSC
150	SSI			SSI
151	STB			STB
152	SVC			SVC
153	SVT			SVT
154	SZC			SZC
155	SZL			SZL
156	TBC			TBC
157	TCB			TCB
158	TCH			TCH
159	TCL			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
160	TCM			TCM
161	TCO			TCO
162	TCT			TCT
163	TDM			TDM
164	THG			THG
165	TIP			TIP
166	TLG			TLG
167	TMP			TMP
168	TMS			TMS
169	TN1			TN1
170	TNC			TPB
171	TPB			TRA
172	TRA			TRC
173	TRC			TV2
174	TV2			TVS
175	TVS			TVT
176	TVT			UIC
177	UIC			VIB
178	VIB			VCB
179	VCB			VCF
180	VCF			VCG
181	VCG			VCI
182	VCI			VDP
183	VDP			VGC
184	VGC			VHC
185	VHC			VHM
186	VHM			VIX
187	VIX			VND

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
188	VND			VNM
189	VNM			VPB
190	VPB			VPD
191	VPD			VPI
192	VPI			VRC
193	VRC			VRE
194	VRE			VSC
195	VSC			VSI
196	VSI			YEG
197	YEG			

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty: <http://vts.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN